

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC, ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC, ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC, ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC, ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP, ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND, ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 4069-QĐ/TU, ngày 17/11/2023 của Tỉnh ủy Điện Biên về việc thanh lý tài sản là xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy; Quyết định số 4467-QĐ/TU ngày 07/03/2024 của Tỉnh ủy Điện Biên về thanh lý tài sản là xe ô tô

của Văn phòng Tỉnh ủy; Quyết định số 4468-QĐ/TU, ngày 07/03/2024 của Tỉnh ủy Điện Biên về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐTL ngày 21/05/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Điện Biên về việc giá khởi điểm, bước giá để thực hiện đấu giá tài sản xe ô tô Toyota Hiace, biển kiểm soát 27A-0199; Quyết định số 02/QĐ-HĐTL ngày 21/05/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Điện Biên về việc giá khởi điểm, bước giá để thực hiện đấu giá tài sản xe ô tô Toyota Camry, biển kiểm soát 27A-3216.

Văn phòng Tỉnh ủy Điện Biên thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản đối với xe ô tô thanh lý như sau:

1. Thông tin của người có tài sản đấu giá

Tên đơn vị: Văn phòng Tỉnh ủy Điện Biên

- Địa chỉ: Tổ 5- Phường Mường Thanh- TP Điện Biên- tỉnh Điện Biên;
- Điện thoại: 0215.3825.255;
- Mã số thuế: 5600209115;
- Đại diện ông: Lê Hoài Nam - Chức vụ: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

2. Tên tài sản, giá khởi điểm của tài sản đấu giá

2.1. Xe ô tô Toyota Hiace biển kiểm soát 27A-0199

- Tài sản đấu giá:

Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Hiace, biển kiểm soát 27A-0199; màu sơn xanh, Số máy 2TR6966982, số khung RL4RX12P4A9003162; Năm, nước sản xuất: 2010, Việt Nam; số người cho phép chở 16 chỗ ngồi, thể tích làm việc của động cơ 2694 cm³; nhiều liệu xăng (xe cũ đã qua sử dụng).

- Giá khởi điểm tài sản đấu giá: 130.000.000 đồng (*bằng chữ: một trăm ba mươi triệu đồng chẵn./.*)

- Bước giá: 5.000.000 đồng (*bằng chữ: năm triệu đồng*)/ tối đa không hạn chế.

Mức giá khởi điểm trên không bao gồm thuế VAT.

2.2. Xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 27A-3216

-Tài sản đấu giá:

Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA; số loại: CAMRY 24GACV30L-JEMNKU; số máy: 2AZ-3139117; số khung: ACV30-8010309; năm sản xuất: 2004; nước sản xuất: Việt Nam; số chỗ ngồi: 05 chỗ; thể tích làm việc của động cơ: 2362cm³; loại nhiên liệu: xăng (xe cũ đã qua sử dụng).

- Giá khởi điểm tài sản đấu giá: 140.000.000 đồng (*bằng chữ: một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn./.*)

- Bước giá: 5.000.000 đồng (*bằng chữ: năm triệu đồng*)/ tối đa không hạn chế.

Mức giá khởi điểm trên không bao gồm thuế VAT.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

a) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với tài sản trên;

b) Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

c) Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;

d) Mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản theo quy định

e) Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (*có bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản theo phụ lục I, thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/2/2022 của Bộ Tư pháp đính kèm*).

e) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

4. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký thực hiện tổ chức đấu giá tài sản

- Thời gian: Trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày thông báo (nộp trong giờ hành chính).

- Địa điểm: Văn phòng tỉnh ủy Điện Biên (phòng Tài chính Đảng); Tổ 5, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Hình thức: Nộp trực tiếp (*không nhận hồ sơ qua đường bưu điện*). Người đến nộp hồ sơ phải xuất trình giấy giới thiệu và căn cước công dân. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

Văn phòng tỉnh ủy Điện Biên thông báo để các Tổ chức đấu giá biết đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT ĐBT (<http://dienbien.dcs.vn/>);
- Cổng TTĐT quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgt.s.moj.gov.vn/>);
- Lưu VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Lê Hoài Nam



BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số 03-TB/HDTL ngày 23/5/2024 của Văn phòng tỉnh ủy Điện Biên)

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--|-------------|
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 23,0 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 11,0 |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) | 6,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 8,0 |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá | 4,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá | 4,0 |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động | 2,0 |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 1,0 |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 |
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 22,0 |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan | 4,0 |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0 |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã | 4,0 |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá | 4,0 |
| 5 | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá | 3,0 |

| | | |
|-----|---|------|
| 6 | <i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i> | 3,0 |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | 45,0 |
| 1 | <i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i> | 6,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i> | 2,0 |
| 1.2 | <i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i> | 3,0 |
| 1.3 | <i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i> | 4,0 |
| 1.4 | <i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i> | 5,0 |
| 1.5 | <i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i> | 6,0 |
| 2 | <i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i> | 18,0 |
| 2.1 | <i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i> | 10,0 |
| 2.2 | <i>Từ 20% đến dưới 40%</i> | 12,0 |
| 2.3 | <i>Từ 40% đến dưới 70%</i> | 14,0 |
| 2.4 | <i>Từ 70% đến dưới 100%</i> | 16,0 |
| 2.5 | <i>Từ 100% trở lên</i> | 18,0 |
| 3 | <i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i> | 5,0 |
| 3.1 | <i>Dưới 03 năm</i> | 3,0 |
| 3.2 | <i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i> | 4,0 |

| | | |
|-----|---|------------|
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên | 5,0 |
| 4 | So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3 | 3,0 |
| 4.1 | 01 đấu giá viên | 1,0 |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 2,0 |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 3,0 |
| 5 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3 | 4,0 |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 2,0 |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 3,0 |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 4,0 |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4 | 5,0 |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng | 2,0 |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 3,0 |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng | 4,0 |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên | 5,0 |
| 7 | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2 | 3,0 |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào) | 2,0 |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên | 3,0 |
| 8 | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn | 1,0 |

| | | |
|---------------------|--|---------------------------|
| IV | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i> | 5,0 |
| 1 | <i>Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i> | 3,0 |
| 2 | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 4,0 |
| 3 | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 5,0 |
| | <i>Đơn vị Hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản từ 10 năm đến 15 năm tại địa bàn tỉnh Điện Biên</i> | 5,0 |
| Tổng số điểm | | 100 |
| VI | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1 | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i> | Đủ điều kiện |
| 2 | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i> | Không đủ điều kiện |